CHUYÊN ĐỀ 10.1: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (10 tiết)

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết PPCT | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 |
| Ngày soạn | 12/09/2023 |
| Lớp | 10/1,10/3,10/5, |
| Tiết dạy |  |
| Ngày dạy |  |

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu.

- Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu.

- Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu.

- Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hệ thống hóa được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Năng lực:

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlat, bản đồ,…

\* Năng lực chuyên biệt:

- Nhận thức khoa học địa lí:

+ Phân tích được khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,…

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Yêu thiên nhiên và môi trường tự nhiên ở quê hương, đất nước.

- Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Trung thực trong học tập.

- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc chống biến đổi khí hậu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video….

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, liên hệ vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

- HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu video và yêu cầu HS trả lời: Video các em vừa xem nói về hiện tượng nào? Hiện tượng đó có ảnh hưởng đến Việt Nam không?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm và biểu hiện của biến đổi khí hậu

a) Mục tiêu: HS trình bày được khái niệm và biểu hiện của biến đổi khí hậu.

b) Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Khái niệm và biểu hiện của biến đổi khí hậu.

1. Khái niệm - *Là sự thay đổi của khí hậu tronng một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan. 2. Biểu hiện. a. Tăng nhiệt độ*

*- Giai đoạn 1901 – 2020: Nhiệt độ trung bình toàn cầu tăng 1 độ C. - Nhiệt độ có xu thế tăng nhanh hơn ở các vùng vĩ độ cao và các vùng nằm sâu trong lục địa. b. Thay đổi lượng mưa. - Lượng mưa trên toàn cầu cũng có xu hướng tăng vào mùa mưa, giảm vào mùa khô, những đợt mưa rất lớn ngày càng nhiều hơn. c. Gia tăng các hiện tượng khí tượng, thủy văn cực đoan. - Nhiều kỉ lục thời tiết và khí hậu cực đoan đã được xác lập trong vài thập kỉ qua.. - Số đợt nắng nóng có xu thế tăng lên trên quy mô toàn cầu. - Các đợt hạn hán xảy ra ngày càng khắc nghiệt và kéo dài hơn. - Số lượng cũng như cường độ của các cơn bão mạnh tăng lên. d. Mực nước biển dâng. - Giai đoạn 1951- 2020: tốc độ tăng mực nước biển trung bình toàn cầu là 2.2mm/năm. - GĐ 1993 – 2020: Tăng trung bình 3,3 mm/năm. - Sự gia tăng mực nước biển ko đồng nhất giữa các khu vực.*

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV dùng kĩ thuật nhóm chuyên gia, yêu cầu 4HS đại diện cho 4 tổ ngồi lại với nhau tạo thành 1 nhóm chuyên gia, giáo viên yêu cầu nhóm chuyên gia thảo luận trả lời câu hỏi sau, các HS còn lại làm việc cá nhân ghi câu trả lời ra nháp:

+ Câu hỏi 1: Đọc thông tin mục 1, hãy trình bày khái niệm biến đổi khí hậu.

+ Câu hỏi 2: Đọc thông tin và biểu đồ trong mục 2, hãy trình bày các biểu hiện của biến đổi khí hậu.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Nhóm chuyên gia thảo luận câu hỏi, hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ Các HS còn lại trả lời ra giấy.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Nhóm chuyên gia báo cáo kết quả.

+ Các HS còn lại nghe, nhận xét, đặt câu hỏi và bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu nguyên nhân gây biến đổi khí hậu.

a) Mục tiêu:

- Phân tích được các nguyên nhân gây biến đổi khí hậu.

b) Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Nguyên nhân gây biến đổi khí hậu

1. Nguyên nhân tự nhiên.

- Sự thay đổi độ nghiêng của trục Trái Đất, dao động quỹ đạo chuyển động của Trái Đất quanh MT, trôi dạt lục địa, núi lửa phun trào, chu kì hoạt động của MT….

2. Nguyên nhân con người.

a. Các khí nhà kính chủ yếu do con người phát thải. - Khí CO2. - Khí CH4: - Khí N2O. - Khí HFCs. - Khí PFCs. - Khí FS6.

b. Các hoạt động phát thải khí nhà kính trên thế giới.

- Ngành năng lượng phát thải nhiều khí nhà kính nhất.

- Các ngành CN khai thác phát thải khí nhà kính chủ yếu liên quan đến việc đốt nhiên liệu hóa thạch tại các cơ sở sx để cung cấp năng lượng. Khí nhà kính cũng phát thải từ CN hóa chất, luyện kim và các quá trình chuyển tải năng lượng.

- Con người đã phát thải khí nhà kính do nạn đốt phá rừng, phát thải từ đất đai… - Ngành NN phát thải khí nhà kính từ sx nông nghiệp.

- GTVT phát thải khí nhà kính chủ yếu đến nhiên liệu hóa thạch bị đốt trong các động cơ đốt trong.

- Các công trình xây dựng và nhà ở phát thải khí do sử dụng năng lượng tại chố và đốt nhiên liệu sưởi ấm trong nhà hoặc nấu ăn.

- Chất thải và nước thải phát thải các khí CH4, N2o từ bãi rác, nước thải, từ nhựa, vật liệu dệt tổng hợp….

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc SGK, trả lời câu hỏi:

+ Dựa vào thông tin mục 1, hãy nêu nguyên nhân tự nhiên gây biến đổi khí hậu.

+ Dựa vào thông tin và hình ảnh trong mục 2, hãy giải thích nguyên nhân gây biến đổi khí hậu do con người.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Đại diện các HS trình bày, các HS khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu

a) Mục tiêu:

Phân tích được tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu đối với tự nhiên và hệ sinh thái, đối với kinh tế - xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

1. Đối với tự nhiên và hệ sinh thái

|  |  |
| --- | --- |
| Tự nhiên | Hệ sinh thái |
| - Làm biến đổi các thành phần tự nhiên khá rõ rệt, cụ thể là:  + Sự mở rộng của vành đai nóng về phía hai cực và vành đai nhiệt đới lên cao hơn ở các vùng núi cao khu vực đới nóng  + Gia tăng phần đất trên các khu vực băng tan và tuyết lở ở các vùng núi.  + Gia tăng dòng chảy trên các dòng sông băng vào mùa xuân.  + Các sông, hồ nóng lên do đó thay đổi cơ chế nhiệt và cả chất lượng nước.  + Gia tăng đáng kể các thiên tai và cường độ các cơn bão đều tăng lên.  – Hậu quả của biến đổi khí hậu đến tự nhiên là làm thay đổi các quá trình tự nhiên, đặc điểm môi trường các đới và các đai cao tự nhiên: Nhiều vùng đất bị biến đổi tính chất (trở thành đất nhiễm mặn, hoang mạc hoá,...) dẫn đến phải đầu tư nghiên cứu các biện pháp cải tạo đất; Nhiều thiên tai trở thành thảm hoa thiên nhiên,... | + Sự gia tăng nhiệt độ, thay đổi lượng mưa làm ranh giới các hệ sinh thái thay đổi: Nhiều loài cây côn trùng chim, cả chuyên dịch lên các vĩ độ cao hơn.  + Nhiều loài thực vật nở hoa sớmhơn. Các loài côn trùng, chim, cá di cư sớm hơn.  + Gia tăng các quần cư sinh vật trôi nổi trên các biển ở Vĩ độ cao và ở các hồ trên cao..  + Quá trình a-xít hoá đại dương làm suy giảm độ phủ và tinh đa dạng sinh học của các rạn san hô.  - Những tác động đến hệ sinh thải gây hậu quả biến đổi môi trường sống của các loài sinh vật, gia tăng suy thoái môi trường ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên rừng). Suy giảm đa dạng sinh học,... |

2. Đối với kinh tế- xã hội

|  |  |
| --- | --- |
| Lĩnh vực chịu tác động của BDKH | Tác động và hậu quả |
| a. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. | - Tác động:  + Thu hẹp diện tích đất nông nghiệp.  + Gia tăng thiên tai, dịch bệnh .  + Suy thoái rừng, gia tăng nguy cơ cháy rừng  . + Giảm hàm lượng oxy trong nước, gây bất lợi đối với các loài sinh vật thuỷ sinh.  + Thu hẹp diện tích đất ngập nước, tăng diện tích nhiễm mặn, hoang mạc hoá.  + Năng suất một số cây lương thực có khả năng tăng nhẹ trên các vùng có vĩ độ cao và vĩ độ trung bình do sự gia tăng của nhiệt độ. Trên các vùng có vĩ độ thấp, đặc biệt các khu vực nhiệt đới gió mùa có nguy cơ giảm năng suất một số cây lương thực.  - Hậu quả:  + Mất đất canh tác thu hẹp không gian sản xuất.  + Thiếu nước cho sản xuất, tăng chi phí cho thuỷ lợi:  + Giảm năng suất, chất lượng của nông sản, thuỷ sản. |
| b. Công nghiệp | - Tác động:  + Gia tăng chi phí cho năng lượng làm mát trong sản xuất công nghiệp.  + Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm bị ảnh hưởng do nguồn nguyên liệu không ổn định.  + Hoạt động công nghiệp (đặc biệt là công nghiệp khai khoáng) bị ảnh hưởng do gia tăng các thiên tai.  - Hậu quả: gia tăng chi phí đầu tư sản xuất, giảm hiệu quả sản xuất. |
| c. Dịch vụ | - Tác động:  + Thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu làm thiệt hại cơ sở hạ tầng giao thông, làm gián đoạn hoạt động vận tải  . + Giảm số ngày có thể khai thác các hoạt động du lịch.  + Mực nước biển dâng khiến nhiều khu du lịch biển không còn tồn tại.  - Hậu quả: + Tăng chi phí xây dựng, bảo trì hệ thống giao thông.  + Giảm doanh thu từ các hoạt động dịch vụ như du lịch, giao thông vận tải. |
| d. Đời sống, sức khỏe con người. | - Tác động:  + Mực nước biển dâng và gia tăng thiên tai, ảnh hưởng đời sống người dân vùng chịu ảnh hưởng  + Nhiệt độ ấm hơn, làm cho nhiều loài côn trùng gây bệnh (muỗi) phát triển mạnh hơn, làm gia tăng các đợt dịch sốt xuất huyết, Sốt rét, viêm não Nhật Bản,  + Tăng nguy cơ các bệnh đường tiêu hoá, bệnh về da do chất lượng môi trường không khí và môi trường nước giảm.  + Nắng nóng làm gia tăng nguy cơ đột quy, đặc biệt đối với người già, người mắc bệnh tim, phổi, người mắc bệnh nền.  + Nguy cơ nạn đói cũng gia tăng do mất mùa bởi hạn hán, lũ lụt,...  - Hậu quả:  + Cuộc sống của con người trở nên khắc nghiệt và bấp bênh hơn.  + Làm suy giảm sức khoẻ con người, dẫn đến tăng nguồn chi cho hệ thống y tế từ đó ảnh hưởng đến chất lượng lao động. |

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp làm 4 nhóm , yêu cầu các nhóm thảo luận để hoàn thành phiếu học tập sau:

NHÓM 1 VÀ 3 HOÀN THÀNH PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

|  |  |
| --- | --- |
| Tác động và hậu quả đối với tự nhiên | Tác động và hậu quả đối với hệ sinh thái |
| Nhóm 1 | Nhóm 3 |

NHÓM 2 VÀ 4 HOÀN THÀNH PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 SAU:

|  |  |
| --- | --- |
| Lĩnh vực chịu ảnh hưởng | Tác động và hậu quả |
| Nông lâm thủy sản | Nhóm 2 |
| Công nghiệp | Nhóm 4 |
| Nông nghiệp | Nhóm 2 |
| Đời sống, sức khỏe con người. | Nhóm 4 |

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thảo luận trong 5p.

+ GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Mục tiêu:

- Phân tích tầm quan trọng và sự cấp bách của việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trình bày được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. Ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Tầm quan trọng và sự cấp bách của việc ứng phó với biến đổi khí hậu

a. Tầm quan trọng: Để ứng phó với biến đổi khí hậu cần thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Giảm nhẹ biến đổi khí hậu là sự can thiệp của con người nhằm giảm thiểu các nguồn phát thải hoặc tăng cường sự hấp thụ các khí nhà kính.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh các hoạt động của con người để thích nghi và tăng cường khả năng chống chịu của con người trước các tác động của biến đổi khí hậu trong hiện tại và tương lai. Việc thực hiện đồng thời, các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ tăng thêm hiệu quả trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Sự cấp bách

- Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu. Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, tác động nặng nề đến tự nhiên và hệ sinh thái, đến kinh tế, xã hội, sức khoẻ con người. Trong tương lai, nếu các quốc gia trên thế giới không chung tay Có các giải pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu, Có thể những thảm hoạ thiên nhiên do biến đổi khí hậu sẽ đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của xã hội con người,

- Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, vào cuối thế kỉ XXI, nếu mực nước biển dâng cao 1 m, sẽ có khoảng 10 – 12% dân số bị ảnh hưởng và GDP có thể tổn thất khoảng 10%, ứng phó với biến đổi khí hậu cũng hỗ trợ cho mục tiêu phát triển bền vũng tăng trưởng xanh của con người. Biến đổi khí hậu là nguy cơ lớn nhất mà con người phải đối mặt với tự nhiên trong suốt lịch sử phát triển của mình. Vì vậy ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách của mỗi cá nhân và toàn nhân loại

2. Các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

a. Nhóm giải pháp giảm nhẹ

- Giảm thiểu nguồn phát thải:

+ Hạn chế sử dụng năng lượng hoá thạch, thay thế bằng các nguồn năng lượng tái tạo.

+ Đầu tư thay đổi công nghệ để giảm lượng phát thải vùng khí nhà kính từ sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp…

+ Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về biến đổi khí hậu để thay đổi hành vi trong sinh hoạt nhằm giảm lượng phát thải khí nhà kính.

- Tăng cường sự hấp thụ các khí nhà kính:

+ Trồng rừng, trồng các giống cây có sinh khối cao.

+ Quản lí rừng và bảo vệ rừng.

+ Thành lập và mở rộng các khu bảo tồn thiên nhiên.

b. Nhóm giải pháp thích ứng

. - Nâng cao năng lực dự báo và giám sát khí hậu, thiên tai.

- Trong sản xuất:

+ Thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ để thích ứng với sự biến đổi của khí hậu.

+ Quy hoạch, nâng cấp lại hệ thống thuỷ lợi để ứng phó với tình trạng lũ và hạn thất thường.

+ Tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng trước nguy cơ cháy rừng,

+ Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước.

+ Nâng cao chất lượng cho mạng lưới giao thông trước tác động của thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Trong đời sống

+ Quy hoạch các khu dân cư an toàn trước thiên tai.

+ Tuyên truyền, giáo dục các kĩ năng phòng chống thiên tai, dịch bệnh trong bối cảnh

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GVchia lớp làm 4 nhóm yêu cầu các nhóm đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và thảo luận:

+ Nhóm 1: Dựa vào thông tin mục 1, hãy hãy giải thích tầm quan trọng của việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Nhóm 2: Dựa vào thông tin mục 1, hãy hãy giải thích sự cấp bách của việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nhóm 3: Dựa vào thông tin mục 2, hãy trình bày nhóm giải pháp giảm nhẹ thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Nhóm 4: Dựa vào thông tin mục 2, hãy trình bày nhóm giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 10 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các nhóm trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

Củng cố lại kiến thức đã học.

b) Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- HS hoàn thành câu hỏi:

1. Vẽ sơ đồ khái quát tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu đối với các hoạt động kinh tế. (HS tự làm)

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện ra giấy A4.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS. Trình chiếu sơ đồ

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS liên hệ thực tế ở địa phương.

b)Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời 1 trong 2 câu hỏi.

- HS hoàn thành câu hỏi: Tìm hiểu về biến đổi khí hậu ở địa phương, viết một bài báo cáo về thực trạng và đề xuất các giải pháp để ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương. (HS tự làm)

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, hướng dẫn HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, yêu cầu HS về nhà hoàn thiện.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

*Đại Lộc Ngày 04..tháng 09 năm 202*

Lê Thị Hoan